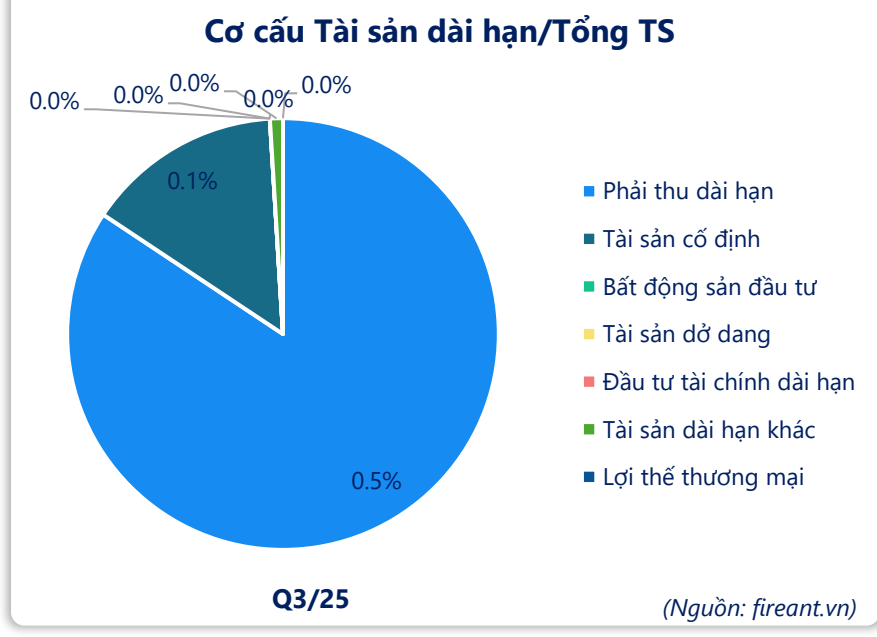
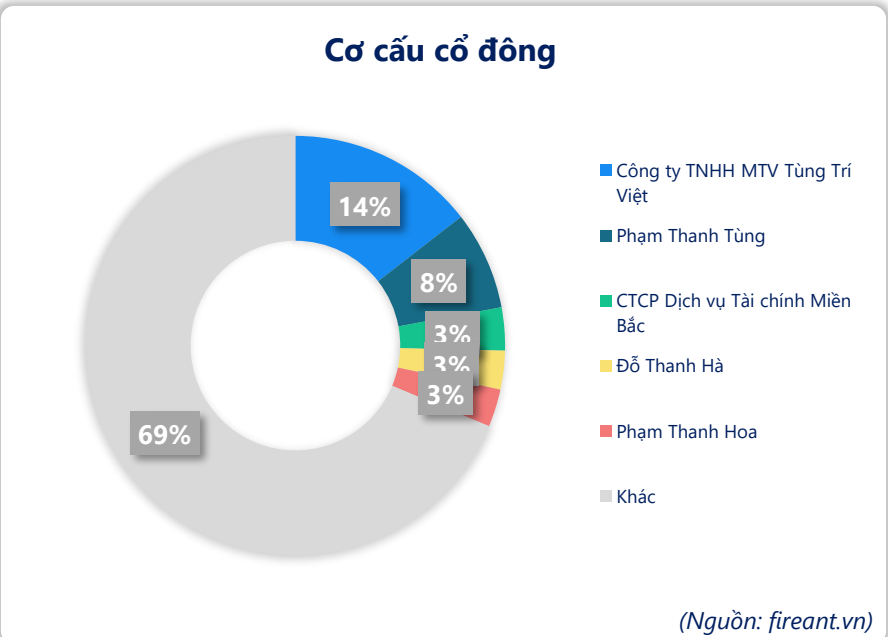
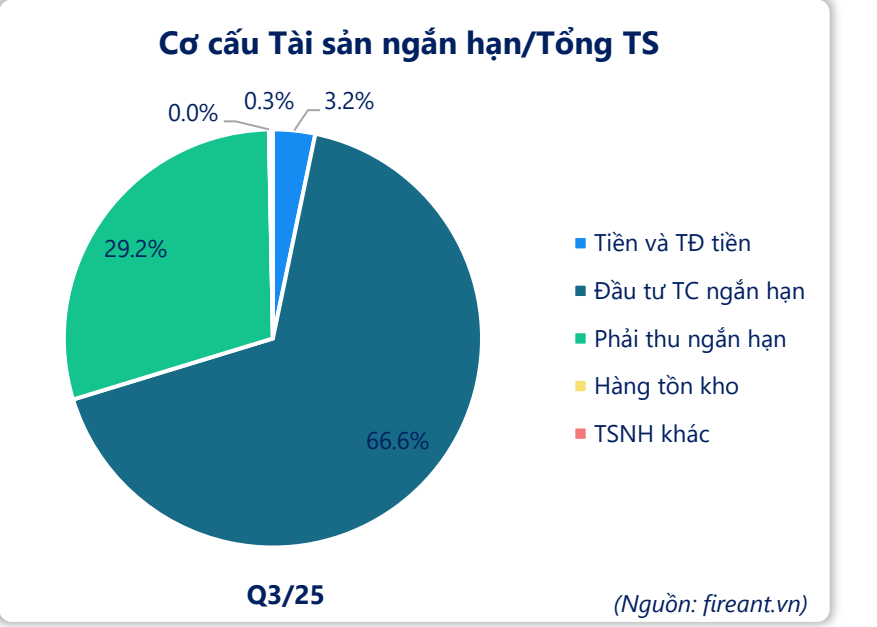
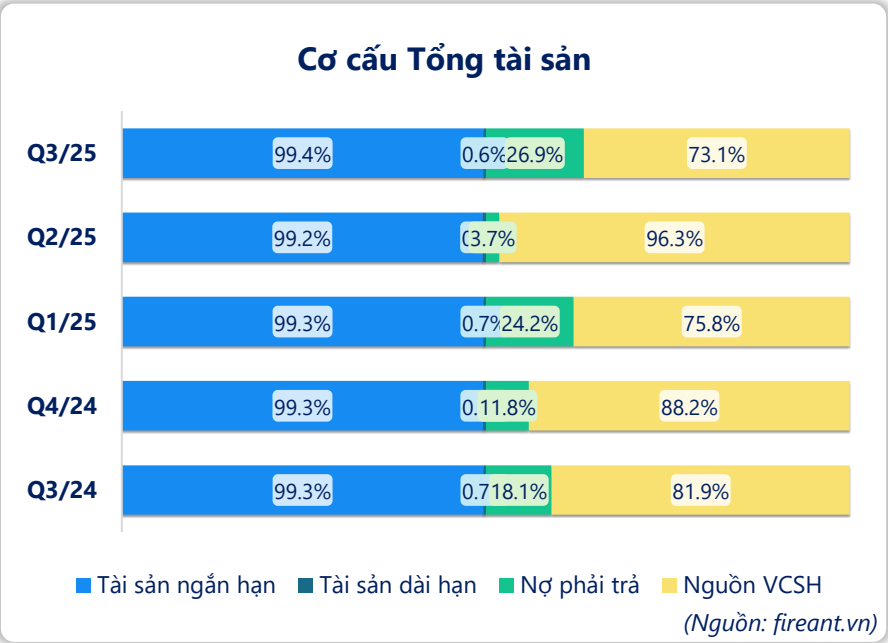
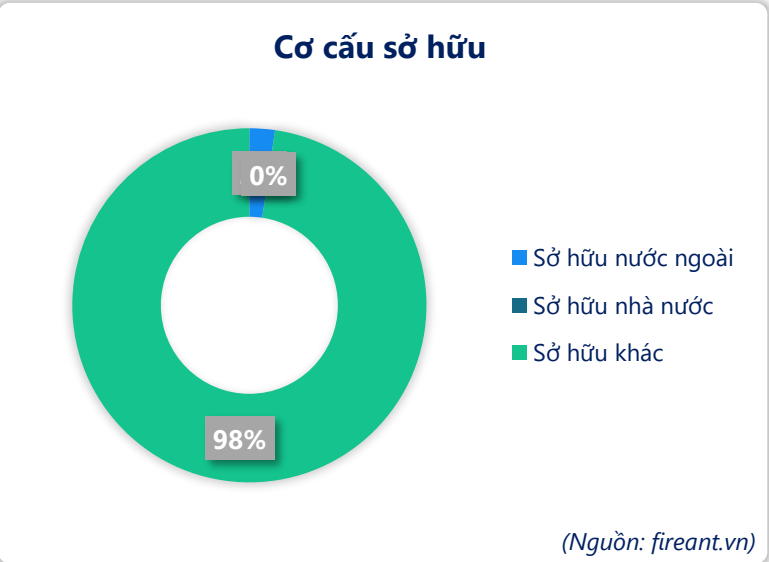
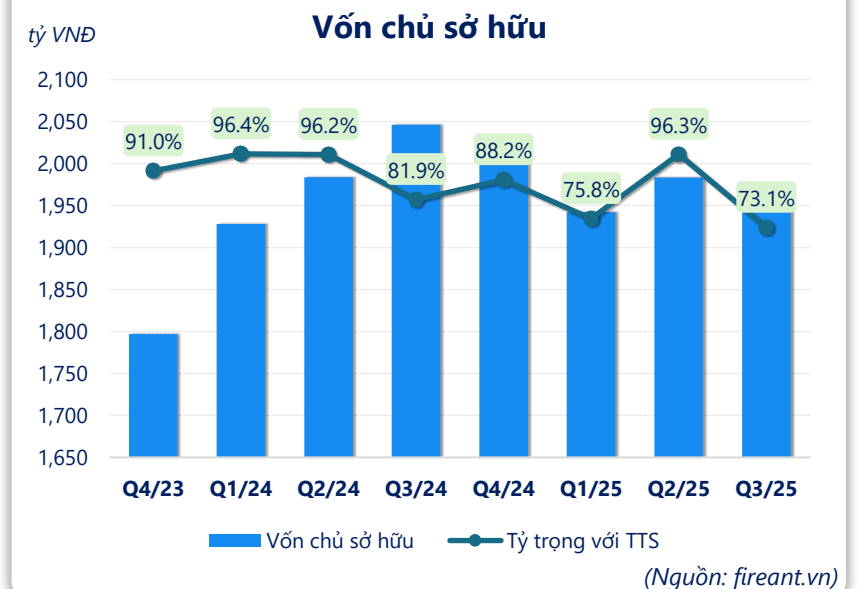
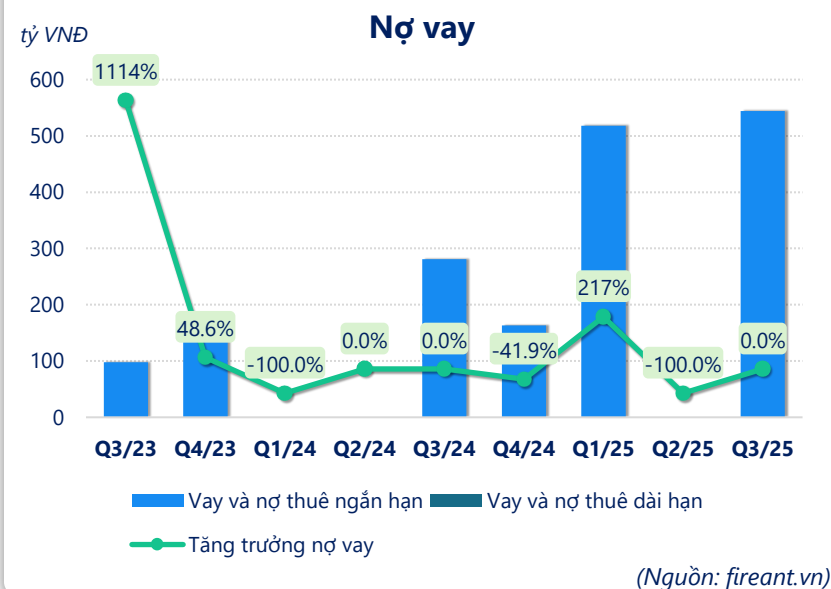
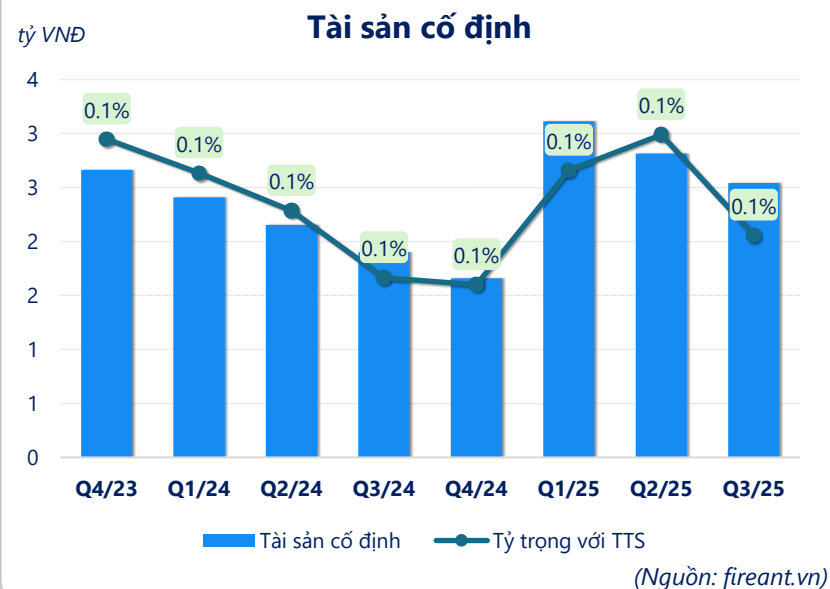
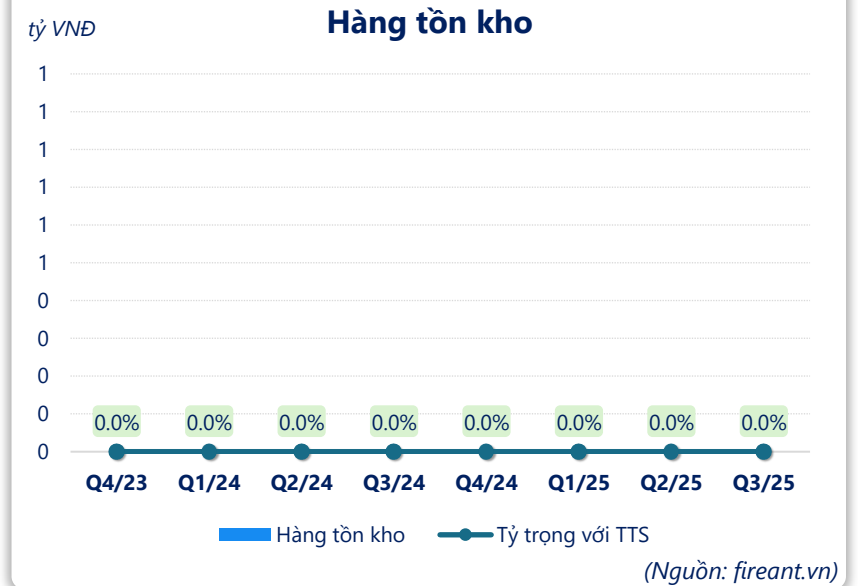
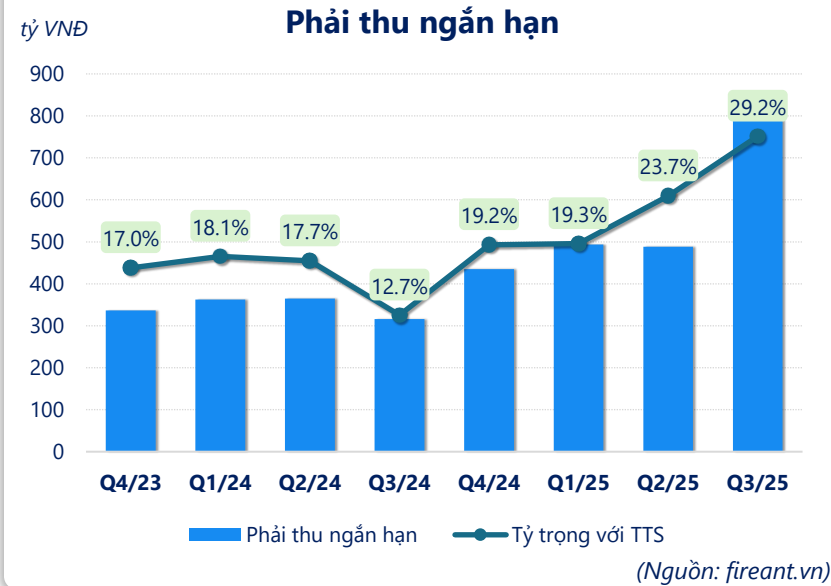
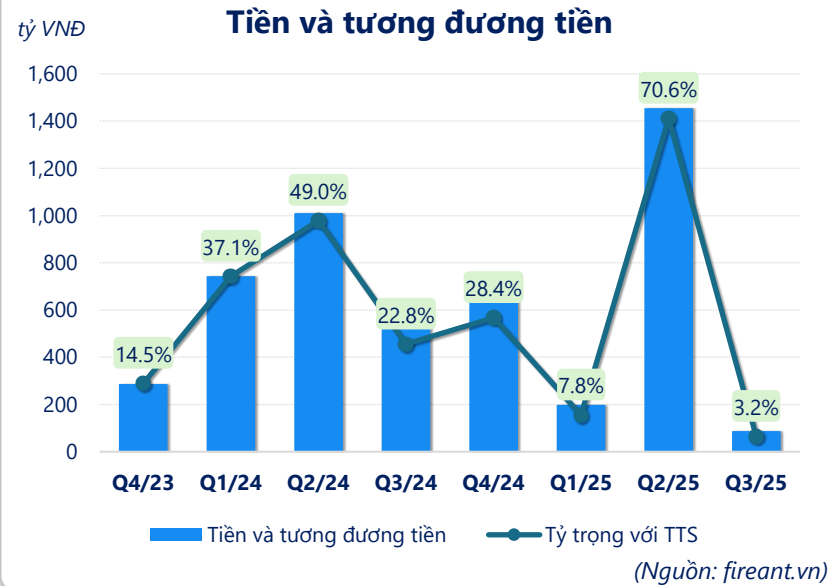
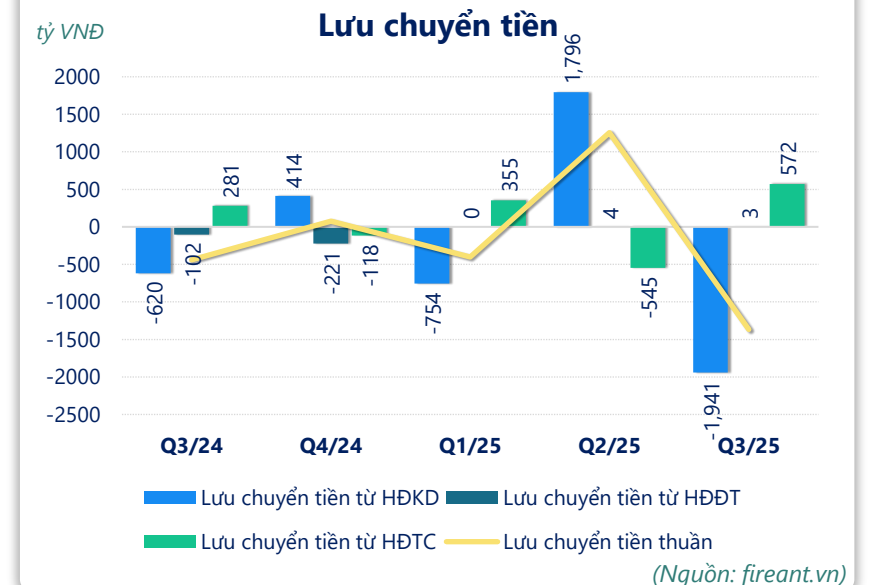
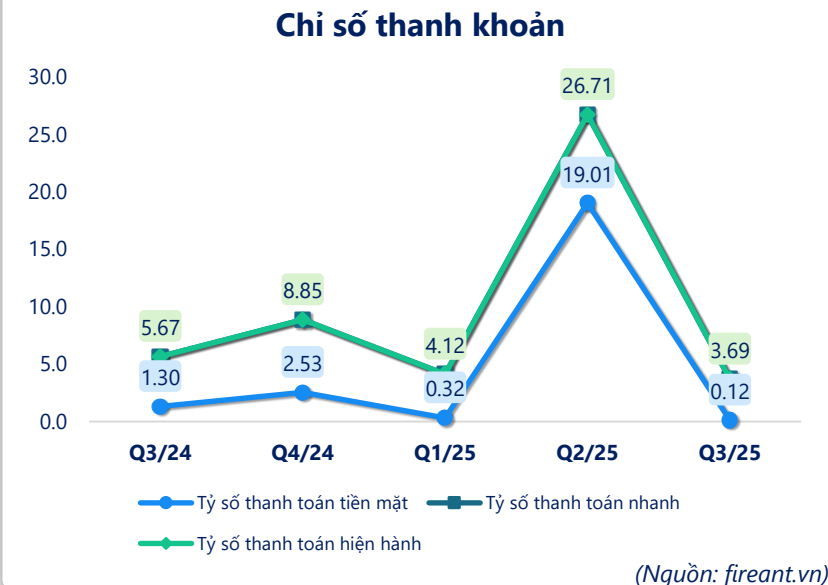
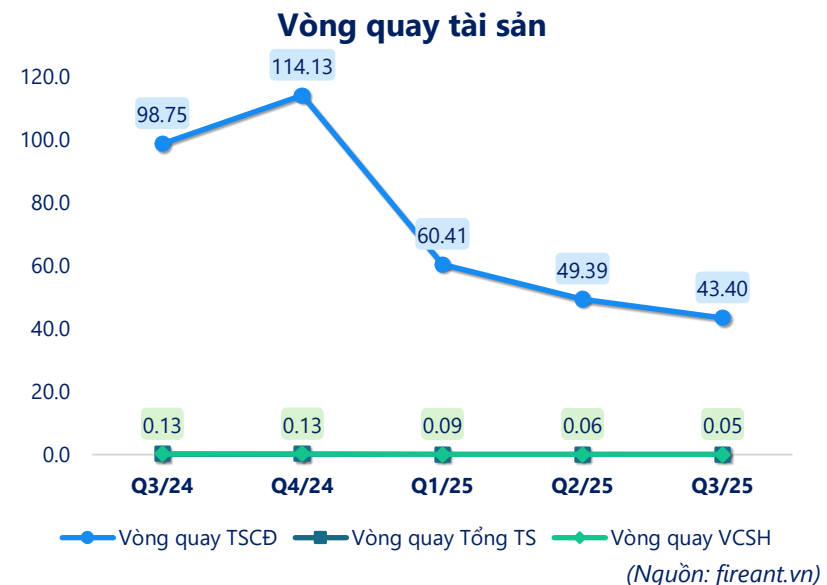
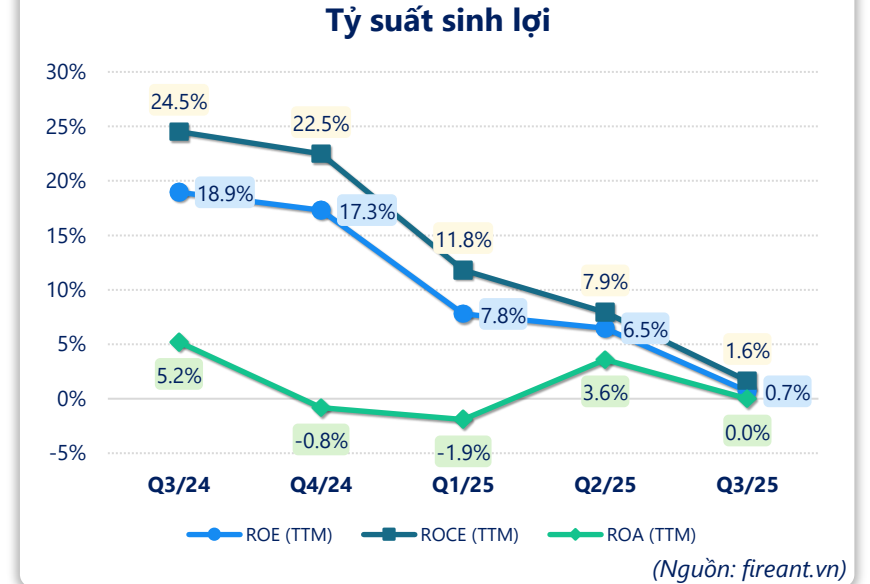
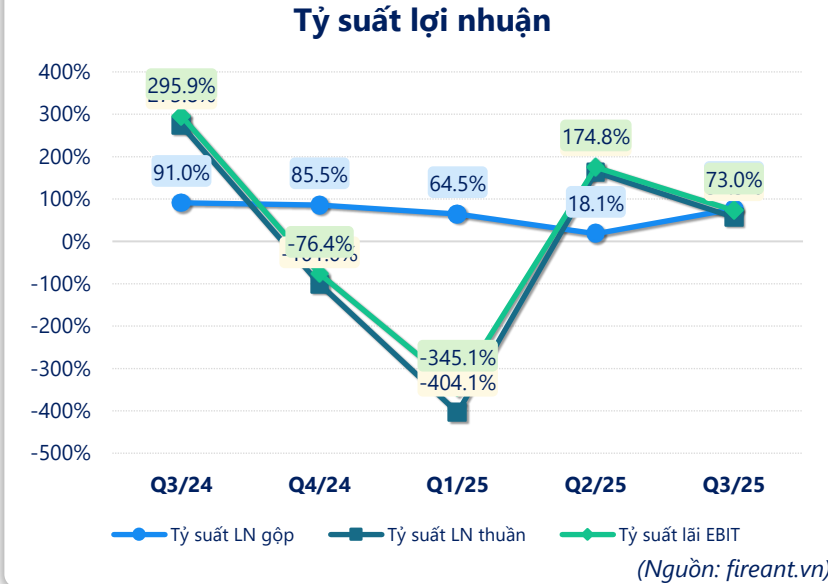
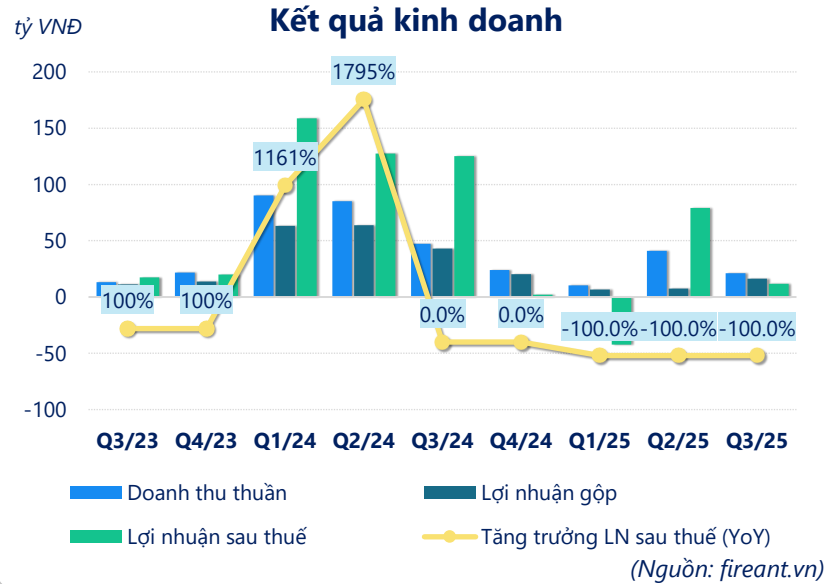


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,900
SL cổ phiếu LH		110,610,670
KLGD BQ 20 phiên (CP)		687,620
% sở hữu nước ngoài		2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,206
P/E		88.2
EPS		124

	YTD	1T	3T	6T
TVC	4.8%	-3.5%	18.5%	18.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,700	2,281	18.3%
Tài sản ngắn hạn	2,682	2,264	18.5%
Tiền và tương đương tiền	87.4	599	-85.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,798	1,166	54.3%
Phải thu ngắn hạn	789	491	60.8%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	8.13	9.42	-13.7%
Tài sản dài hạn	17.3	17.0	1.7%
Phải thu dài hạn	14.6	15.0	-3.0%
Tài sản cố định	2.54	1.66	53.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.17	0.31	-45.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	727	273	166%
Nợ ngắn hạn	727	260	179%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	544	163	233%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.14	18.7	-99.3%
Nợ dài hạn	0	12.7	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,972	2,008	-1.8%
Vốn chủ sở hữu	1,972	2,008	-1.8%
Vốn điều lệ	1,106	1,186	-6.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	47.4	23.9	10.4	41.0	21.1
Giá vốn hàng bán	4.27	3.45	3.69	33.6	4.89
Lợi nhuận gộp	43.1	20.4	6.70	7.42	16.2
Doanh thu HĐTC	131	39.9	6.07	68.6	26.1
Chi phí TC	33.2	38.5	42.9	-3.05	118
Chi phí lãi vay	8.88	6.06	6.44	5.18	3.58
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	34.7	0.05	0.04	0.11
Chi phí QLDN	11.0	11.2	11.8	12.1	-88.0
LN thuần từ HĐKD	130	-24.1	-42.0	67.0	12.1
Lợi nhuận khác	1.59	-0.18	-0.30	-0.44	-0.26
LN trước thuế	131	-24.3	-42.3	66.5	11.8
Lợi nhuận sau thuế	125	2.17	-42.3	79.2	11.8
LNST của CĐ cty mẹ	115	-17.2	-43.5	74.2	0.17

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-620	414	-754	1,796	-1,941
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-102	-221	0	4.29	2.78
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	281	-118	355	-545	572
Tiền đầu kỳ	1,010	569	599	199	1,454
Lưu chuyển tiền thuần	-441	75.3	-400	1,255	-1,367
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	569	644	199	1,454	87.4

(Nguồn: fireant.vn)